

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HOÀ BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2018/DSST

Ngày 28/09/2018

“V/v tranh chấp đòi tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Tài Em

2. Ông Nguyễn Văn Miên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Văn Dư, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Dương Thục Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 09 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số 15/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2018 về việc *“tranh chấp đòi tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐST-DS ngày 22 tháng 08 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *N đơn:* Bà Trần Bích N, sinh năm: 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp BM, xã Vĩnh Mỹ B, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Chí Tr, sinh ngày: 20/03/1968 (có mặt)

Địa chỉ: Số 302A đường 23/8 khóm TK, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thành C và bà Lê Thị T (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp AN, xã Vĩnh Mỹ B, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ban đầu ngày 21/02/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/04/2018 cũng như trong quá trình làm việc và tại phiên tòa ngày hôm nay bà Trần Bích N và đại diện theo ủy quyền của bà Trần Bích N là ông Huỳnh Chí Tr trình bày: Từ năm 2012 đến năm 2017 ông Trần Thành C và bà Lê Thị T nhiều lần mua thức ăn, phân bón vật tư nông nghiệp của bà Trần Bích

N với tổng số tiền 328.300.000 đồng và tiền vay 68.000.000 đồng. Việc mua bán và vay tiền giữa hai bên có làm biên nhận do ông Trần Thành C ký tên vào biên nhận nợ. Tính đến thời điểm hiện nay ông C – bà T còn nợ bà Trần Bích N số tiền 396.300.000 đồng. nay bà Trần Bích N yêu cầu ông Trần Thành C và bà Lê Thị T trả cho bà số tiền 396.300.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi, chỉ yêu cầu trả lãi chậm trả cho bà Trần Bích N trong giai đoạn thi hành án. Ngoài ra bà Trần Bích N không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lần khai ngày 02/04/2018 bị đơn ông Trần Thành C trình bày: Ông và bà Lê Thị T nhiều lần mua thức ăn, phân bón, vật tư nông nghiệp với tổng số tiền 328.300.000 đồng. Việc mua bán giữa hai bên có làm biên nhận do ông ký tên vào 02 biên nhận nợ. Nay trước yêu cầu của bà N ông đồng ý trả cho bà N số tiền 328.300.000 đồng ngoài ra không còn nợ bà N khoản tiền nào khác nên không đồng ý trả các khoản khác cho bà N.

Tại phiên tòa:

- Ý kiến của ông Huỳnh Chí Tr là đại diện theo ủy quyền của bà N: Bà N vẫn giữ N quan điểm yêu cầu buộc ông Trần Thành C và bà Lê Thị T trả số tiền 396.300.000 đồng cho bà trong đó tiền phân bón vật tư là 328.300.000 đồng và tiền vay 68.000.000 đồng

Ông Tr xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HB trình bày:

- Về thủ tục tố tụng: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, xét thấy Tòa án nhân dân huyện HB đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật nên Viện kiểm sát nhân dân huyện HB không có ý kiến gì.

- Về nội dung vụ án: Bà N yêu cầu ông C – bà T trả số tiền 396.300.000 đồng, điều này đã được ông C thừa nhận 328.300.000 đồng là tiền mua vật tư nông nghiệp. Đối với biên nhận nợ 68.000.000 đồng bà N cung cấp cho tòa án đã được giám định đúng chữ ký của ông C. Trong thời gian mua hàng ông C và bà T là vợ chồng, những giao dịch mua bán, vay đều phục vụ cho sinh hoạt đời sống chung do đó có căn cứ buộc bà T- ông C có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 396.300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Bích N có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán và hợp đồng vay tài sản (Gọi chung là hợp đồng dân sự

đòi tài sản) với ông Trần Thành C và bà Lê Thị T. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn cư trú ấp 17, xã Vĩnh Bình, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Thành C đã có yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Lê Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Đối với số tiền 328.300.000 đồng tiền mua bán vật tư nông nghiệp: N đơn bà Trần Bích N và bị đơn ông Trần Thành C đều thống nhất xác định trong thời gian từ khoảng 2012 đến 2017 ông C có mua vật tư nông nghiệp của bà N và còn nợ tiền của bà N ông đồng ý trả cho bà N số tiền 328.300.000 đồng mà ông đã ký 02 biên nhận nợ cho bà N nên có đủ cơ sở được chấp nhận. Xét thấy giao dịch mua bán giữa bà N và ông C kéo dài từ năm 2012 đến năm 2017 mới xảy ra tranh chấp do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015 buộc ông C và T có trách nhiệm trả cho bà N số tiền 328.300.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Đối với yêu cầu đòi số tiền vay 68.000.000 đồng tiền vay: Khoản tiền vay này bà N yêu cầu tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/04/2018 do tại thời điểm này ông C và bà T đã bỏ đi khỏi địa phương nên tòa án không thể tiến hành làm việc được với ông C và bà T được. Tuy nhiên căn cứ vào biên nhận nợ 68.000.000 đồng mà bà N cung cấp do ông C ký tên, căn cứ vào kết luận giám định của phòng kỹ thuật hình sự C an tỉnh Bạc Liêu thì chữ ký C trong biên nhận nợ trên so sánh với chữ ký của ông C tại các tài liệu thu thập tại Tòa án là do cùng một người ký ra. Từ các lẽ trên có đủ cơ sở để xác định vào năm 2012 ông C – bà T vay tiền và có nợ của bà N số tiền 68.000.000 đồng là có thật nên căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 cần chấp nhận yêu cầu của bà N đòi ông C – bà T trả cho bà số tiền 68.000.000 đồng.

[3] Như vậy tổng số tiền khoản vay và khoản tiền mua bán vật tư nông nghiệp mà ông C – bà T còn nợ bà Trần Bích N là 396.300.000 đồng. Đây là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân, các giao dịch mua bán và vay nợ của ông C đều phục vụ cho đời sống sinh hoạt gia đình do đó căn cứ theo Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình ông C và bà T phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà Trần Bích N toàn bộ số tiền trên.

[4] Về chi phí giám định chữ ký: Do kết quả giám định chứng minh yêu cầu của bà N đối với biên nhận nợ 68.000.000 đồng là có căn cứ do đó ông Trần Thành C và bà Lê Thị T phải chịu 5000.000 đồng tiền giám định. Bà Trần

Bích N đã dự nộp 5.000.000 đồng tiền giám định tại phiếu thu ngày 16/04/2018 được hoàn lại từ số tiền giám định mà ông C và bà T phải nộp

[5] Về án phí: Ông Trần Thành C và bà Lê Thị T phải chịu số tiền án phí dân sự có giá ngạch là $5\% \times 396.300.000 \text{ đồng} = 19.815.000 \text{ đồng}$ nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện HB. Bà Trần Bích N đã dự nộp án phí 9.183.000 đồng tại biên lai thu số 0003869 ngày 23.02.2018 và 725.000 đồng tại biên lai thu số 0003981 của chi cục thi hành án dân sự huyện HB được hoàn lại toàn bộ tại chi cục thi hành án dân sự huyện HB.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 161, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005, Nghị Quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Bích N đối với ông Trần Thành C và bà Lê Thị T đòi số tiền 396.300.000 đồng

2/Buộc ông Trần Thành C và bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Bích N tiền 396.300.000 đồng

4/ Về chi phí giám định chữ ký: ông Trần Thành C và bà Lê Thị T phải chịu 5.000.000 đồng tiền giám định. Bà Trần Bích N đã dự nộp 5.000.000 đồng tiền giám định tại phiếu thu ngày 16/04/2018 được hoàn lại từ số tiền giám định mà ông C và bà T phải nộp

5/Về án phí: Buộc ông Trần Thành C và bà Lê Thị T phải chịu nộp chung số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 19.815.000 đồng nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện HB. Bà Trần Bích N đã dự nộp án phí 9.183.000 đồng tại biên lai thu số 0003869 ngày 23.02.2018 và 725.000 đồng tại biên lai thu số 0003981 ngày 16/04/2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện HB được hoàn lại toàn bộ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm C khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu,
- VKSND huyện HB.
- Chi cục THA dân sự huyện HB
- Các đương sự.
- Lưu

Lê Thị Nam